|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2022/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về định danh và xác thực điện tử**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử,*

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử; dịch vụ định danh và xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức của Việt Nam đang hoạt động tại nước ngoài; người nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; cơ quan, tổ chức đang hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. “Danh tính điện tử người Việt Nam” là tập hợp dữ liệu số trong Cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia được so sánh thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.

2. “Danh tính điện tử người nước ngoài” là tập hợp dữ liệu số được so sánh thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.

3. “Danh tính điện tử của tổ chức” là tập hợp dữ liệu số trong Cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia được so sánh thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu về tổ chức cho phép xác định duy nhất một tổ chức trên môi trường điện tử.

4. “Chủ thể danh tính điện tử” là cá nhân, tổ chức được xác định gắn với danh tính điện tử.

5. “Định danh điện tử” là hoạt động tạo lập, gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử dựa trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và cơ sở dữ liệu có liên quan.

6. “Xác thực điện tử” là hoạt động xác minh, xác nhận của cơ quan chức năng đối với người sử dụng danh tính điện tử đúng là chủ thể danh tính điện tử.

7. “Yếu tố xác thực” là các yếu tố thuộc ba nhóm sau: Chủ thể danh tính số biết; chủ thể danh tính số sở hữu; đặc điểm sinh trắc học của chủ thể danh tính số được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử.

8. “Phương tiện xác thực” là phương tiện do chủ thể danh tính số sở hữu và kiểm soát, bao gồm: mật khẩu; mã bí mật; mã vạch 2 chiều; thiết bị đầu cuối; thiết bị hoặc phần mềm mật khẩu sử dụng một lần; thiết bị hoặc phần mềm mật mã và các phương tiện khác được Cơ quan quản lý Nền tảng định danh và xác thực điện tử, Hệ thống định danh và xác thực điện tử hướng dẫn, cung cấp.

9. “Bên sử dụng danh tính điện tử” là cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng có yêu cầu sử dụng danh tính số.

10. “Hệ thống định danh và xác thực điện tử” là hệ thống thông tin phục vụ việc đăng ký, đối soát, tạo lập và xác thực chủ thể danh tính số tham gia giao dịch trên môi trường mạng.

11. “Bên sử dụng danh tính điện tử” là cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng có yêu cầu danh tính điện tử. Cơ quan, tổ chức này có thể tự thực hiện định danh và xác thực điện tử hoặc lựa chọn sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử của Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

12. “Dịch vụ định danh và xác thực điện tử” là hoạt động cung cấp danh tính điện tử của chủ thể danh tính điện tử cho Bên sử dụng danh tính điện tử.

13. “Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử” là tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công an cho phép, đáp ứng điều kiện về cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định này.

14. Ứng dụng trên nền tảng di động (VNEID) và web là một thành phần phục vụ quản trị, khai thác, chia sẻ thông tin của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

15. Tài khoản định danh điện tử là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi hệ thống định dang và xác thực điện tử của Bộ Công an.

16. Thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử là những thông tin liên quan của chủ tài khoản định danh điện tử đã được xác thực bởi Bộ Công an hoặc các đơn vị khác thông qua việc kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2. Bảo đảm tính chính xác trong định danh và xác thực điện tử; công khai, minh bạch trong quản lý, thuận tiện cho công dân.

3 Đảm bảo an ninh, an toàn thiết bị, bảo mật dữ liệu khi thực hiện định danh và xác thực điện tử.

4. Cá nhân, tổ chức được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải tuân thủ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử của cá nhân.

**Điều 4. Các hành vi bị cấm**

1. Cản trở thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Làm lộ lọt bí mật thông tin khi thực hiện các hoạt động về định danh và xác thực điện tử.

3. Sách nhiễu, gây phiền hà khi thực hiện việc định danh và xác thực điện tử.

4. Tự ý sao chép giao diện, hình ảnh của ứng dụng VNEID, trang thông tin điện tử của hệ thống định danh điện tử nhằm đánh lừa người dùng và cơ quan chức năng.

5. Tự ý thu thập, sao chép thông tin tài khoản định danh điện tử khi không được sự đồng ý của chủ thể danh tính điện tử và cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia.

6. Truy nhập, khai thác, hủy hoại, làm cản trở, gián đoạn hoạt động, thay đổi, xóa, phát tán, cung cấp trái phép thông tin định danh điện tử của cá nhân, tổ chức.

7. Nghiêm cấm hành vi lợi dụng, sử dụng thông tin của cá nhân, tổ chức khác không phải chủ sở hữu hoặc cá nhân, tổ chức được ủy quyền để đăng ký, tạo lập, định danh và xác thực điện tử để thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật.

**Điều 5. Mục tiêu xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử**

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện các yêu cầu, giao dịch trên môi trường điện tử

2. Phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác cải cách thủ tục hành chính.

3. Thúc đẩy phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**CHƯƠNG II**

**DANH TÍNH ĐIỆN TỬ, ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ**

**Mục 1: DANH TÍNH ĐIỆN TỬ**

**Điều 6. Danh tính điện tử của công dân Việt Nam**

Danh tính điện tử của công dân Việt Nam gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh cá nhân;

b) Họ, tên đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch;

e) Nơi đăng ký thường trú.

2. Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung và vân tay.

**Điều 7. Danh tính điện tử của người nước ngoài**

Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh của người nước ngoài (do hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động sinh ra để quản lý danh tính điện tử của người nước ngoài);

b) Số ID công dân (nếu có);

c) Số hộ chiếu hoặc số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế;

d) Họ, tên đệm và tên;

đ) Ngày, tháng, năm sinh;

e) Giới tính;

g) Quốc tịch;

h) nơi tạm trú tại Việt Nam (nếu có);

2. Thông tin sinh trắc học: Ảnh chân dung và vân tay (nếu có).

**Điều 8. Danh tính điện tử của tổ chức**

Danh tính điện tử của tổ chức gồm:

1. Mã số tổ chức (do hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động sinh ra để quản lý danh tính điện tử của tổ chức);

2. Tên tổ chức;

3. Địa chỉ trụ sở chính;

4. Ngành nghề kinh doanh;

5. Mã số thuế của tổ chức (nếu có);

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

7. Mẫu dấu hoặc chứng thư số của tổ chức.

**Điều 9. Cập nhật danh tính điện tử**

1. Cập nhật danh tính điện tử của cá nhân:

a) Khi có thay đổi thông tin danh tính điện tử của cá nhân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cập nhật, đồng bộ thông tin về Hệ thống định danh và xác thực điện tử, thông báo cho cá nhân, tổ chức có danh tính điện tử.

b) Trường hợp thay đổi thông tin danh tính điện tử chưa được điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định.

c) Đối với trường hợp thông tin danh tính điện tử không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh công dân phải xuất trình được giấy tờ chứng minh sự thay đổi với cơ quan Công an để tiến hành điều chỉnh trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Cập nhật thông tin danh tính điện tử của tổ chức.

a) Khi có thay đổi thông tin danh tính điện tử của tổ chức, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thực hiện kết nối, đồng bộ thông tin về Hệ thống định danh điện tử qua hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cưvà thông báo cho tổ chức có danh tính điện tử.

b) Trường hợp thay đổi thông tin danh tính điện tử chưa được điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thực hiện điều chỉnh theo quy định.

c) Đối với trường hợp thông tin danh tính điện tử trực tiếp tại cơ quan Công an thì người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền cập nhật danh tính điện tử của tổ chức phải xuất trình được giấy tờ chứng minh sự thay đổi với cơ quan Công an để tiến hành điều chỉnh trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.

**Mục 2: ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ**

**Điều 10. Mô hình cấp tài khoản định danh điện tử**

1. Sử dụng mô hình cấp tài khoản định danh điện tử tập trung để cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức của Việt Nam đang hoạt động tại nước ngoài; người nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; cơ quan, tổ chức đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Giao Bộ Công an là đơn vị thực hiện việc cấp tài khoản định danh và xác thực điện tử cho công dân Việt Nam, cơ quan, tổ chức của Việt Nam đang hoạt động tại nước ngoài; người nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; cơ quan, tổ chức đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 11. Đối tượng được đăng ký tài khoản định danh điện tử**

1. Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNEID hoặc đến cơ quan Công an nơi tiếp nhận đề nghị cấp Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam và cơ quan Công an quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài để thực hiện đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử.

2. Đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi, người được giám hộ thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

3. Các thông tin cần khai báo khi cá nhân đăng ký tài khoản định danh điện tử gồm:

a) Số định danh cá nhân; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (đối với người nước ngoài);

b) Họ, tên đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch (đối với người nước ngoài);

e) Số điện thoại, email;

g) Trường hợp đăng ký cho người chưa đủ 14 tuổi, người được giám hộ thì cá nhân đăng ký tài khoản định danh điện tử kê khai thêm thông tin của người được giám hộ theo quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản này của người đó.

h) Các thông tin trên các giấy tờ do cơ quan nhà nước cấp khi công dân có nhu cầu tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

i) Công dân đăng ký tài khoản định danh điện tử là đại diện hợp pháp của tổ chức muốn định danh tổ chức kê khai các thông tin danh tính tổ chức quy định tại Điều 8 của Nghị định.

4. Đối với các trường hợp đặc biệt, việc cấp và định danh điện tử do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

5. Việc cấp tài khoản định danh cho người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

**Điều 12.** **Các trường hợp tạm thời chưa được cấp tài khoản định danh điện tử**

1. Danh tính điện tử của cá nhân, cơ quan, tổ chức chưa rõ ràng.

2. Các trường hợp đang bị cấm nhập cảnh, xuất cảnh.

3. Các trường hợp đang có khả năng, biểu hiện gây hại cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

4. Các trường hợp không tuân thủ mục tiêu theo quy định.

5. Các trường hợp người mắc bệnh tâm thầm, hoặc bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình.

**Điều 13.** **Mức độ tài khoản định danh điện tử**

1. Tài khoản ứng dụng VNEID: Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin cá nhân gồm số định danh cá nhân, họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh của công dân kê khai được so sánh, đối chiếu tự động trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin cá nhân của người nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 7 đã được so sánh, đối chiếu trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

2. Tài khoản định danh điện tử mức 1:

a) Tài khoản được tạo lập trong trường hợp đã đăng ký thành công tài khoản ứng dụng VNEID trên thiết bị di động và được xác minh bằng ảnh chân dung trùng khớp với Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

b) Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử mức 1 thông qua ứng dụng VNEID trên nền tảng di động hoặc trang web.

3. Tài khoản định danh điện tử mức 2:

a) Tài khoản được tạo lập trong trường hợp thông tin danh tính điện tử trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông tin sinh trắc học của công dân được xác minh trùng khớp với Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân; hoặc 01 trong 02 thông tin sinh trắc học của công dân trùng khớp và cán bộ nhận dạng đúng theo đặc điểm nhận dạng trên thẻ Căn cước công dân để xác định đúng chủ thẻ. Với người nước ngoài, các thông tin danh tính điện tử và thông tin sinh trắc học được đối chiếu, xác minh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

b) Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử mức 2 tại cơ quan Công an thực hiện thủ tục đề nghị cấp tài khoản và xác thực điện tử.

**Điều 14. Nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử**

1. Cơ quan Công an tiếp nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân.

2. Cơ quan Công an xã, phường, thị trấn (trừ trường hợp công dân đăng ký tài khoản định danh điện tử khi cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân gắn chíp).

3. Đối với các hồ sơ đăng ký định danh điện tử trực tuyến thông qua ứng dụng VNEID trên nền tảng di động hoặc trang web do Bộ Công an quy định nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký.

4. Cơ quan Công an quản lý xuất nhập cảnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài.

**Điều 15. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử**

1. Cá nhân, người đại diện của cơ quan, tổ chức đến trực tiếp đến cơ quan nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử hoặc nộp hồ sơ qua ứng dụng VNEID trên nền tảng di động hoặc web.

2. Cá nhân, người đại diện của cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, giấy tờ chứng minh nội dung thông tin cần xác thực.

3. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử kiểm tra tính chính xác thông tin cá nhân, người đại diện của cơ quan, tổ chức cung cấp. Lập, xử lý hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 16. Xử lý hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử**

1. Xử lý hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử trực tuyến thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

2. Xử lý hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử được tiếp nhận tại cơ quan Công an thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

3. Các hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử được phê duyệt khi xác định rõ danh tính điện tử và chủ thể là một người hoặc tổ chức.

4. Các cơ quan chủ quản phối hợp với cơ quan Công an xác thực danh tính điện tử thuộc lĩnh vực quản lý.

**Điều 17. Thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử**

1. Kết quả cấp tài khoản định danh điện tử được thông báo thông qua tin nhắn văn bản (SMS), qua ứng dụng VNEID trên nền tảng di động và các hình thức khác do Bộ Công an quy định.

2. Các tin nhắn văn bản (SMS) liên quan đến định danh điện tử được miễn phí.

3. Đối với các trường hợp không được phê duyệt cấp tài khoản định danh điện tử, Cơ quan công an tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho người dân.

**Điều 18. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử**

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNEID nền tảng di động.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện kích hoạt trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử. Sau 07 ngày, nếu tài khoản định danh điện tử không được kích hoạt, cá nhân, cơ quan, tổ chức phải đến cơ quan Công an để thực hiện kích hoạt.

**Điều 19. Khóa tài khoản định danh điện tử**

1. Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

2. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ.

3. Khi chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản dịch vụ đã thỏa thuận với cơ quan cấp tài khoản định danh điện tử.

4. Khi thực hiện xác lập lại hoặc hủy số định danh cá nhân.

5. Khi chủ thể danh tính điện tử chết.

6. Khi chủ thể danh tính điện tử không thực hiện đổi mật khẩu trong vòng 01 tháng kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu đổi mật khẩu.

**Điều 20. Khôi phục tài khoản định danh điện tử đã khóa**

1. Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử mà trước đó đã yêu cầu khóa theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này.

2. Khi cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử mà trước đó đã yêu cầu khóa quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

3. Khi chủ thể danh tính điện tử đã khắc phục vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này và yêu cầu khôi phục tài khoản định danh điện tử.

**Điều 21. Giá trị sử dụng theo mức độ tài khoản định danh điện tử**

1. Giá trị sử dụng tài khoản ứng dụng VNEID: với các tài khoản ứng dụng định danh và xác thực điện tử quốc gia hiển thị các thông tin cơ bản của công dân gồm: số định danh cá nhân, họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh đối với công dân Việt Nam và các thông tin được quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định đối với người nước ngoài; khai báo các biểu mẫu hồ sơ đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử và đặt lịch hẹn đến cơ quan thực hiện định danh điện tử.

2. Giá trị sử dụng tài khoản mức độ 1: Hiển thị các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 các thông tin liên quan đến phòng chống thiên tai, dịch họa (nếu có); thực hiện thanh toán các hóa đơn; an sinh xã hội.

3. Giá trị sử dụng tài khoản mức độ 2:

a) Có giá trị sử dụng như thẻ Căn cước công dân đối với người Việt Nam, hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại quốc tế đối với người nước ngoài.

b) Có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin của cá nhân, tổ chức đã được xác thực trong các giao dịch trên môi trường điện tử.

c) Hiển thị các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này và các thông tin khác được tích hợp, bổ sung theo yêu cầu của chủ tài khoản định danh điện tử.

d) Cung cấp, chia sẻ thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thực hiện các dịch vụ công và chia sẻ thông tin với bên thứ ba có sử dụng dịch vụ của hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia, các dịch vụ liên quan đến giao dịch tài chính theo yêu cầu của công dân.

đ) Khi cá nhân hoặc tổ chức cung cấp danh tính điện tử theo tài khoản định danh điện tử mức độ 2 do Bên sử dụng danh tính điện tử yêu cầu thì Bên sử dụng danh tính điện tử đó không được yêu cầu cung cấp thêm giấy tờ khác để chứng minh thông tin cá nhân đã cung cấp.

e) Hiệu lực của danh tính điện tử theo tài khoản định danh điện tử không vượt quá thời hạn hiệu lực của giấy tờ tuỳ thân do cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức cung cấp

**Điều 22. Sử dụng tài khoản định danh điện tử**

1. Việc tạo lập tài khoản định danh điện tử của cá nhân để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử phải sử dụng danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

2. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, xác thực điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an để thực hiện hoạt động không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do tổ chức, cá nhân tự lựa chọn sử dụng.

3. Thời hạn sử dụng tài khoản định danh điện tử theo thời hạn trên thẻ Căn cước công dân. Tài khoản định danh điện tử bắt buộc phải thực hiện thay đổi mật khẩu định kỳ 06 tháng/lần, có kiểm sinh trắc học khi thực hiện thay đổi. Sau thời gian 03 tháng yêu cầu thay đổi mật khẩu không được thực hiện thì Bộ Công an tiến hành khóa tài khoản định danh điện tử.

**Điều 23. Thông tin trong hệ thống định danh điện tử**

1. Thông tin trong hệ thống định danh điện tử, bao gồm: thông tin danh tính điện tử của công dân Việt Nam, thông tin danh tính điện tử của người nước ngoài, thông tin danh tính điện tử của tổ chức.

2. Đầu vào của Cơ sở dữ liệu định danh điện tử quốc gia là Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh và các cở dữ liệu chuyên ngành khác.

3. Các thông tin khác của công dân được tích hợp, bổ sung từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ giấy tờ hợp pháp của công dân.

**Điều 24. Khai thác thông tin trong hệ thống định danh điện tử**

1. Hình thức khai thác hệ thống định danh điện tử thông qua ứng dụng VNEID nền tảng di động, web hoặc qua thẻ Căn cước công dân gắn chip.

2. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức khai thác thông tin trong hệ thống định danh điện tử bằng thẻ Căn cước công dân gắn chíp qua các thiết bị chuyên dụng do Bộ Công an cung cấp.

**Điều 25. Xác thực danh tính của cá nhân, tổ chức**

Mức độ xác thực điện tử được xác định dựa trên đối chiếu một hoặc nhiều yếu tố xác thực và phương tiện xác thực tương ứng

1. Mức độ 1: Xác thực điện tử được thực hiện dựa trên tối thiểu một yếu tố xác thực theo quy định tại khoản 7 Điều 2 và phương tiện xác thực tương ứng tại khoản 8 Điều 2.

2. Mức độ 2: Xác thực điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau trở lên theo quy định tại khoản 7 Điều 2 và phương tiện xác thực tương ứng tại khoản 8 Điều 2.

3. Cơ quan quản lý Hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia quy định về mức độ xác thực được áp dụng đối với việc truy cập, thực hiện các tác vụ, tương tác vào hệ thống định danh và xác thực điện tử và việc thực hiện các giao dịch, thủ tục trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia.

**Điều 26.** **Xác thực hồ sơ của cá nhân, tổ chức.**

1. Hồ sơ của cá nhân, tổ chức được yêu cầu xác thực là hồ sơ thực hiện một giao dịch dân sự, thủ tục hành chính và các giao dịch, thủ tục khác giữa cá nhân, tổ chức, bên sử dụng danh tính điện tử và chủ thể danh tính điện tử.

2. Hồ sơ yêu cầu xác thực của cá nhân, tổ chức bao gồm: Các trường thông tin của cá nhân, tổ chức được bên sử dụng danh tính điện tử yêu cầu hoặc trực tiếp chủ thể danh tính điện tử yêu cầu Cơ quan quản lý nền tảng định danh điện tử quốc gia xác thực để chứng minh danh tính, khẳng định độ tin cậy của dữ liệu mà chủ thể tham gia vào quá trình giao dịch và thủ tục cung cấp.

3. Quy trình xác thực hồ sơ của cá nhân, tổ chức:

a) Cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình giao dịch, thực hiện thủ tục gửi yêu cầu qua tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử kèm theo hồ sơ của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này đến Nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia thông qua hình thức được Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử hướng dẫn, quy định.

b) Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia tiếp nhận yêu cầu của tổ chức định danh và xác thực điện tử và trả lời yêu cầu xác minh danh tính của cá nhân, tổ chức theo hình thức và thời gian trả lời tối đa được Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia hướng dẫn, quy định.

4. Giá trị của hồ sơ đã được Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử xác thực

a) Hồ sơ được Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử xác thực có giá trị trong giao dịch, thủ tục đang thực hiện nhưng không quá 48h kể từ thời điểm được tiếp nhận kết quả trả lời từ tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

b) Hồ sơ của cá nhân, tổ chức được xác thực chỉ có giá trị khi có bằng chứng hoặc xác nhận từ Cơ quan quản lý nền tảng định danh và xác thực điện tử.

**CHƯƠNG III**

**DỊCH VỤ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ**

**Điều 27. Nền tảng định danh và xác thực điện tử Quốc gia**

1. Nền tảng định danh và xác thực điện tử Quốc gia là hệ thống thông tin kết nối khách hàng sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử và chủ thể danh tính điện tử để hỗ trợ thực hiện các giao dịch điện tử trên cơ sở khai thác, ứng dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân và các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác do các Bộ, Cơ quan ngang Bộ được giao quản lý phối hợp, thống nhất với cơ quan quản lý Nền tảng định danh và xác thực điện tử để cung cấp đến cá nhân, tổ chức. Đồng thời, nền tảng này thực hiện xử lý và trả lời các yêu cầu dịch vụ từ phía khách hàng theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa tổ chức cung cấp và các khách hàng sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

2. Nền tảng kết nối định danh và xác thực điện tử Quốc gia đồng thời thực hiện chức năng kết nối liên thông, hợp tác, trao đổi danh tính số trong hoạt động định danh và xác thực điện tử giữa Việt Nam và quốc tế.

3. Hệ thống thông tin của Nền tảng hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, đảm bảo kết nối khách hàng sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử, Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử và chủ thể danh tính điện tử khi thực hiện các giao dịch điện tử.

**Điều 28. Kết nối, xác thực với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia**

1. Các cơ quan, đơn vị nhà nước được phép kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia để xác thực thông tin công dân, giải quyết các thủ tục hành chính, dịch vụ công.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc khoản 1 Điều này được kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia khi được sự cho phép của cơ quan quản lý với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ xác thực điện tử với mục đích thương mại phải thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý với hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia.

**Điều 29. Cung cấp các dịch vụ trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử quốc gia**

1. Bộ Công an thực hiện tích hợp các dịch vụ công, các dịch vụ phục vụ giao dịch tài chính.

2. Bộ Công an thực hiện phát triển hệ sinh thái xung quanh ứng dụng định danh và xác thực điện tử quốc gia.

**Điều 30. Sử dụng dịch vụ xác thực điện tử**

1. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ xác thực điện tử phải được sự đồng ý của Bộ Công an.

2. Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp được phép sử dụng dịch vụ xác thực điện tử phải tuân thủ theo hướng dẫn của cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử, cam kết đảm bảo an ninh, an toàn thông tin của công dân.

**Điều 31.** **Cung cấp, chia sẻ và sử dụng thông tin danh tính điện tử**

1. Việc cung cấp, chia sẻ và sử dụng thông tin danh tính điện tử chỉ được thực hiện khi các bên đều sử dụng các dịch vụ xây dựng trên nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia.

2. Công dân chia sẻ thông tin thông qua ứng dụng định danh và xác thực điện tử quốc gia.

3. Công dân lựa chọn chia sẻ thông tin của mình cho bên thứ ba có sử dụng dịch vụ xác thực điện tử của Bộ Công an.

**Điều 32. Dịch vụ định danh và xác thực điện tử**

1. Dịch vụ định danh và xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử khi đáp ứng các điều kiện tại Điều 33 Nghị định này.

3. Dịch vụ định danh và xác thực điện tử bao gồm:

a) Dịch vụ định danh cá nhân, tổ chức trực tiếp tại các quầy giao dịch, nơi tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính hoặc những địa điểm khác sử dụng các thiết bị chuyên dụng do Cơ quan quản lý định danh hoặc cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu gốc về danh tính điện tử cung cấp để đối chiếu, so sánh giữa danh tính điện tử của cá nhân, tổ chức với dữ liệu gốc.

b) Dịch vụ định danh khách hàng trực tuyến: là dịch vụ cung cấp tài khoản định danh điện tử, danh tính điện tử cho cá nhân, tổ chức trực tuyến trên cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực với dữ liệu gốc thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia và có các biện pháp đảm bảo chính xác cá nhân, tổ chức là chủ thể của danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử mà không yêu cầu gặp mặt trực tiếp.

c) Dịch vụ xác thực dữ liệu về danh tính điện tử, dữ liệu khác cho cá nhân, tổ chức với dữ liệu gốc thông qua nền tảng định danh điện tử quốc gia để thực hiện các giao dịch dân sự và các thủ tục hành chính mà không cần phải xuất trình lại các giấy tờ chứng minh. Đối với dịch vụ này, Cơ quan, tổ chức quản lý trường dữ liệu nào mà cá nhân, tổ chức yêu cầu thì xác thực cho trường dữ liệu đó thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia và có hiệu lực không quá 48h kể từ khi trả kết quả cho cá nhân, tổ chức. Trường hợp Cơ quan quản lý các Cơ sở dữ liệu không trực tiếp xác thực cho các dữ liệu thì ủy quyền bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức khác để thực hiện. Trong quá trình cung cấp dịch vụ, các tổ chức được cấp phép không thực hiện lưu trữ các dữ liệu của cá nhân, tổ chức khi chưa được cá nhân, tổ chức và cơ quan quản lý Nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia đồng ý theo các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

d) Dịch vụ xác minh danh tính: là dịch vụ khẳng định cá nhân, tổ chức trong thực hiện các giao dịch dân sự, thủ tục hành chính và các giao dịch thủ tục khác đúng hoặc không đúng là chủ thể của danh tính điện tử thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia.

đ) Dịch vụ phát triển, cung cấp tiện ích phục vụ công dân trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia: là dịch vụ phát triển, tích hợp các tính năng, tiện ích mới cho phép cung cấp các dịch vụ, thực hiện các giao dịch, thủ tục khác trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia phù hợp với nhu cầu của cá nhân, tổ chức.

e) Dịch vụ chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử: là dịch vụ chia sẻ, cung cấp thông tin của chủ thể danh tính điện tử cho các cá nhân, tổ chức khi được sự đồng ý của chủ thể danh tính điện tử đó.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ được quy định tại Khoản 3 điều này hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả với các sai sót của tổ chức mình trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

**Điều 33. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử**

1. Điều kiện về chủ thể

Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Có tối thiểu 20 nhân sự trình độ đại học chuyên ngành về Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về quản trị hệ thống; vận hành hệ thống; bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống; kiểm toán viên kỹ thuật hệ thống; không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến An ninh quốc gia, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử.

3. Điều kiện về tài chính

Ký quỹ không kỳ hạn tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam số tiền **5.000.000.000** (Năm tỷ Việt Nam đồng) để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ do lỗi của Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì hệ thống, cơ sở dữ liệu trong trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận. Việc ký quỹ và sử dụng tiền ký quỹ được quy định tại Điều 38 Nghị định này.

4. Điều kiện về kỹ thuật và quy trình quản lý cung cấp dịch vụ

Có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ được Bộ Công an thẩm định và phê duyệt với các nội dung tối thiểu sau:

a) Thông tin giới thiệu về doanh nghiệp, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

b) Phương án, quy trình phục vụ cho hoạt động cung cấp định danh và xác thực điện tử, bao gồm: thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ, quy trình cấp định danh và xác thực điện tử; phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh an toàn thông tin của hệ thống, cơ sở dữ liệu; phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức; phương án khắc phục thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt dịch vụ định danh và xác thực điện tử; phương án kết nối với Nền tảng định danh và xác thực điện tử Quốc gia.

**Điều 34. Hồ Sơ, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử**

1. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập tổ chức;

c) Sơ yếu lý lịch, văn bằng chứng chỉ có liên quan cua người đại diện theo pháp luật;

d) Sơ yếu lý lịch; Phiếu lý lịch tư pháp số 2; bản sao có chứng thực hoặc bán sao kèm bản chính của nhân sự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 để đối chiếu bằng đại học trở lên chuyên ngành về an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin, điện tử viễn thông hoặc các chuyên ngành khác thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin;

đ) Giấy xác nhận ký quỹ của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 33;

e) Đề án, các tài liệu mô tả theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Nghị định này.

2. Trình tự, thời hạn và cách thức cấp Giấy chứng nhận:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thông bưu chính về Bộ Công an, tại địa chỉ tại số 47 Phạm Văn Đồng, Mai dịch, Cầu Giấy, Hà Nội;

Trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến: các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tố chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an có thông báo bằng văn bản.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công an, bộ, cơ quan ngang bộ có văn bản trả lời.

d) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an xem xét cấp Giấy chứng nhận đáp ứng đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải có thông báo bàng văn bản nêu rõ lý do.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử được quy định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử có thời hạn sử dụng là 5 (năm) năm.

**Điều 35. Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận và cấp lại Giấy chứng nhận**

1. Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin sau: người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch, phương án được Bộ Công an thẩm định, phê duyệt quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 33 Nghị định này.

Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận tại Bộ Công an theo điểm a khoản 2 Điều 34 Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị thay đổi và các tài liệu liên quan;

Trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến <http://dichvucong.gov.vn>: các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tồ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

a) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với các nội dung thay đổi về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch. Trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với nội dung thay đổi mức độ bảo đảm cùa danh tính số. Trường hợp từ chối thay đổi, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Thời hạn của Giấy chứng nhận thay đổi là thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã được cấp.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử gửi đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 34, trong đó nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy chứng nhận cho Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Trường hợp từ chối cấp lại phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Thời hạn của Giấy chứng nhận được cấp lại do bị mất hoặc bị hư hỏng là thời hạn còn lại của Giấy chứng nhận đã cấp.

3. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử:

a) Tổ chức, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử được gia hạn Giấy chứng nhận một lần với thời gian gia hạn không quá 01 (một) năm.

b) Chậm nhất 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử hết hiệu lực, tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận tới Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34;

Trường hợp nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến <http://dichvucong.gov.vn>: các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận được lập thành một 01 (một) bộ, bao gồm: Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử đang có hiệu lực; Báo cáo hoạt động của Tổ chức trong 02 (hai) năm gần nhất.

c) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm định, quyết định gia hạn Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 36. Tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử**

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị đình chỉ tạm thời Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ từ 01 đến 03 tháng trong các trường hợp sau:

a) Trong quá trình cung cấp dịch vụ không đáp ứng được một trong các điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 33 Nghị định này;

b) Cung cấp dịch vụ không đúng với nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

c) Quá thời gian 03 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo quy định chưa thực hiện kết nối kỹ thuật với Nền tảng kết nối định danh và xác thực điện tử Quốc gia.

d) Không tuân thủ theo các quy trình, phương án đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 33 Nghị định này

đ) Có văn bản yêu cầu tạm đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử của Cơ quan điều tra, Cơ quan tố tụng theo quy định.

2. Bộ Công an ra thông báo lý do tạm đình chỉ và yêu cầu Tố chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử khắc phục trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn trên, Bộ Công an ra quyết định tạm đình chỉ Giấy chứng nhận đủ kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Đối với trường hợp tại điểm đ khoản 1 Điều này, việc tạm đình chỉ sẽ được hiện ngay sau khi thông báo đến tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị đình chỉ tạm thời Giấy chứng nhận phải dừng việc cung cấp dịch vụ; có biện pháp bảo đảm tiếp tục duy trì việc cung cấp dịch vụ cho chủ thể danh tính điện tử và có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của các bên liên quan đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ.

**Điều 37. Hết hạn, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử**

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị thu hồi giấy chứng nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai cung cấp dịch vụ trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận;

b) Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Hết hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục được các lý do theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Nghị định này trừ trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 36 được xem xét thu hồi hoặc khôi phục giấy chứng nhận sau khi có kết luận của Cơ quan điều tra.

d) Không muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ.

2. Vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng, các quy định khác của pháp luật có nguy cơ xâm phạm đến An ninh quốc gia và Trật tự an toàn xã hội.

3. Bộ Công an ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị thu hồi giấy chứng nhận hoặc có giấy nhận hết hiệu lực có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể danh tính điện tử và các bên có liên quan; thỏa thuận để bàn giao các cơ sở dữ liệu, hồ sơ có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ và bảo đảm quyền lợi sử dụng dịch vụ của chủ thể danh tính điện tử cho Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực diện tư khác đang hoạt động có dịch vụ tương đương trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bị thu hồi giấy phép, hoặc thỏa thuận bồi thường cho chủ thể danh tính điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử khác có trách nhiệm thoả thuận với Tổ chức bị thu hồi giấy chứng nhận về các chi phí, đảm bảo tính liên tục của dịch vụ.

5. Bộ Công an giám sát và hướng dẫn việc bàn giao giữa các Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử để bảo đảm việc sử dụng dịch vụ của chủ thể danh tính điện tử không bị gián đoạn.

Trong trường hợp không thỏa thuận được với các tổ chức khác về việc bàn giao các cơ sở dữ liệu, hồ sơ có liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ và đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của chủ thể danh tính điện tử, Bộ Công an chỉ định một hoặc một số tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử thực hiện điều này và sử dụng số tiền ký quỹ để thanh toán nghĩa vụ. Tổ chức tiếp nhận thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ đối với các chủ thể danh tính điện tử và người nhận theo thoả thuận giữa chủ thể danh tính điện tử và tổ chức bị thu hồi giấy chứng nhận.

6. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận, tổ chức được quyền đề nghị cấp lại giấy chứng nhận, điều kiện và thủ tục cấp lại thực hiện theo các quy định như trường hợp cấp mới.

7. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận được Bộ Công an công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Điều 38. Ký quỹ và sử dụng tiền ký quỹ**

1. Tiền ký quỹ được sử dụng để giải quyết các rủi ro và các khoản phải đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

2. Tiền ký quỹ dược dùng để thanh toán chi phí tiếp nhận, duy trì cơ sở dữ liệu của Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong trường hợp bị thu hồi giấy phép.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử phải thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ theo đúng quy định của ngân hàng và quy định của pháp luật.

4. Khi nhận được văn bản của Bộ Công an yêu câu trích tiền ký quỹ của Tồ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực để xử lý các trường hợp tại khoản 1 Điều này, ngân hàng nhận ký quỹ thực hiện trích tiền ký quỹ.

5. Sau khi thanh toán nghĩa vụ bằng tiền ký quỹ (bao gồm cả phí dịch vụ), tổ chức, doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho đủ số tiền ký quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán. Sau ngày cuối cùng của thời hạn phải nộp lại nêu trên, ngân hàng nơi ký quỹ có trách nhiệm thông báo cho Bộ Công an nếu tổ chức, doanh nghiệp không nộp bổ sung đầy đủ.

Ngân hàng không được cho doanh nghiệp rút, sử dụng tiền ký quỹ khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Bộ Công an.

**CHƯƠNG IV**

**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ**

1. Cá nhân đăng ký định danh điện tử, có tài khoản định danh điện tử:

a) Tuân thủ quy định về đăng ký định danh điện tử và xác thực điện tử; sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các giao dịch điện tử khác;

b) Cung cấp và chịu trách nhiệm về các giấy tờ, thông tin đã cung cấp cho cơ quan chức năng để tạo tài khoản định danh điện tử;

c) Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử, không được cho người khác sử dụng tài khoản định danh điện tử của mình, bảo đảm sử dụng tài khoản định danh điện tử an toàn;

d) Chịu trách nhiệm về các giao dịch đã thực hiện và quy định của các bên có liên quan đối với các giao dịch điện tử;

đ) Được thông báo về tình trạng hoạt động của tài khoản định danh điện tử.

2. Tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử:

a) Bảo đảm hạ tầng công nghệ, an toàn, bảo mật để kết nối sử dụng dịch vụ xác thực điện tử;

b) Lựa chọn mức độ của tài khoản định danh điện tử đối với từng dịch vụ cung cấp trên môi trường điện tử;

c) Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

**Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ và vận hành Hệ thống định danh và xác thực điện tử; ứng dụng tài khoản định danh điện tử vào công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về danh tính điện tử, hoạt động định danh và xác thực điện tử.

3. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng định danh và xác thực điện tử Quốc gia, có vai trò chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc định danh và xác thực điện tử, cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử cho người dân, doanh nghiệp góp phần phát triển nền kinh tế số, xã hội số.

4. Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an cung cấp.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn cho cá nhân về đăng ký, quản lý định danh và xác thực điện tử.

6. Dừng cung cấp dịch vụ xác thực điện tử khi hệ thống của bên sử dụng dịch vụ không bảo đảm hạ tầng công nghệ kết nối và an toàn, bảo mật.

7. Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng đánh giá an toàn mật mã đối với bên sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

9. Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

10. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

**Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.

2. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc chức năng của mình.

3. Bảo đảm hạ tầng viễn thông đáp ứng cung cấp miễn phí phục vụ người dân, cơ quan, tổ chức trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.

4. Phối hợp với Bộ Công an trong thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động định danh và xác thực điện tử.

5. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

**Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mật mã dân sự sử dụng trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.

2. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc chức năng của mình.

3. Phối hợp với Bộ Công an bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Phối hợp với Bộ Công an để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử trong việc cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng.

5. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

**Điều 43. Trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

**CHƯƠNG V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 44. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022

**Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với những tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 phải được xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

**Điều 46. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; *-* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán Nhà nước; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KSTTHC (3). TM | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |